|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**  Số: …/2021/TT-BTTTT | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Hà Nội, ngày tháng năm 2021* |
|  |  |

**THÔNG TƯ**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 24/2015/TT-BTTTT ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet**

*Căn cứ Luật Viễn thông ngày 23 tháng 11 năm 2009;*

*Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;*

*Căn cứ Luật Báo chí ngày 05 tháng 4 năm 2016;*

*Căn cứ Nghị định số 17/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;*

*Căn cứ Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng và Nghị định số 27/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số [72/2013/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/cong-nghe-thong-tin/nghi-dinh-72-2013-nd-cp-quan-ly-cung-cap-su-dung-dich-vu-internet-va-thong-tin-tren-mang-201110.aspx" \t "_blank" \o "Nghị định 72/2013/NĐ-CP) và Nghị định số 150/2018/NĐ-CP ngày 07/11/2018 của Chính phủ sửa đổi* *một số nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính trong lĩnh vực thông tin và truyền thông;*

*Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 24/2015/TT-BTTTT ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet.*

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 24/2015/TT-BTTTT ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet (Thông tư số 24/2015/TT-BTTTT) như sau:**

1. Bổ sung khoản 15 Điều 2 như sau:

“15. Thành viên địa chỉ là cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp được cấp, phân bổ địa chỉ IP từ Bộ Thông tin và Truyền thông (VNNIC)”.

2. Bổ sung khoản 6 Điều 3 như sau:

“Khuyến khích hoạt động khởi nghiệp, phát triển kinh tế số thông qua ưu đãi về phí, lệ phí đăng ký sử dụng tên miền dưới “.id.vn” đối với chủ thể cá nhân là công dân Việt Nam có tuổi đời trong phạm vi từ 18 đến 23 tuổi, thời gian ưu đãi tối đa 02 năm. Ưu đãi về phí, lệ phí trong đăng ký sử dụng tên miền dưới “.biz.vn” đối với doanh nghiệp có thời gian thành lập trong vòng 01 năm tính đến thời điểm đăng ký tên miền, thời hạn ưu đãi tối đa 02 năm”.

3. Bổ sung khoản 9 Điều 4 như sau:

“9. Trực tiếp cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền “.vn” trong những trường hợp cần thiết để đảm bảo quyền sử dụng tên miền của chủ thể và yêu cầu của công tác quản lý chung về tên miền “.vn”; Tổ chức triển khai các dịch vụ phục vụ cho quá trình đăng ký, sử dụng tên miền “.vn” để hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức trong bảo vệ thương hiệu, quyền sở hữu trí tuệ, bảo vệ quyền lợi người sử dụng”

4. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 5 như sau:

a) Bãi bỏ cụm từ “không dấu” tại các khoản 2, 3, 5, 6.

b) Sửa đổi điểm m khoản 3 như sau:

“m) NAME.VN dành cho các tổ chức, cá nhân đăng ký theo tên gọi như tên đầy đủ, tên viết tắt, tên thương mại, tên bí danh… của tổ chức, cá nhân;”;

c) Bổ sung các điểm m1, m2, m3 vào sau điểm m khoản 3 như sau:

“m1) ID.VN: Dành cho cá nhân là công dân Việt Nam đăng ký để định vị hình ảnh, sản phẩm, thương hiệu cá nhân trên môi trường mạng;

m2) IO.VN: Dành cho tổ chức, cá nhân đăng ký phục vụ các ứng dụng công nghệ, nền tảng, dịch vụ trên môi trường mạng;

m3) AI.VN: Dành cho tổ chức, cá nhân đăng ký phục vụ các hoạt động, dịch vụ liên quan đến lĩnh vực trí tuệ nhân tạo.”

d) Sửa đổi khoản 4 như sau:

“Tên miền cấp 2 dùng chung phân theo địa giới hành chính là tên miền được đặt theo tên các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương không có dấu hoặc có dấu và được sử dụng chung mà không cấp riêng cho bất kỳ cơ quan, tổ chức, cá nhân nào (hanoi.vn, hànội.vn, haiphong.vn, hảiphòng.vn …)”;

e) Bãi bỏ khoản 7.

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 6 như sau:

a) Sửa đổi điểm g, bổ sung điểm h vào khoản 2 Điều 6 như sau:

“g) Không vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 23b Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng được sửa đổi, bổ sung bằng Nghị định số 27/2018/NĐ-CP ngày 01/3/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2013/NĐ-CP về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng;”

“h) Không phải là tên miền có các cụm từ dễ gây nhầm lẫn là trang thông tin điện tử tổng hợp, mạng xã hội nếu chủ thể đăng ký sử dụng không phải đối tượng được cấp Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp, Giấy phép thiết lập mạng xã hội theo quy định của pháp luật”;

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 8 như sau:

“2. Các tổ chức Đảng, cơ quan nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội quy định tại điểm c khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 13 Thông tư này có trách nhiệm đăng ký, giữ chỗ bảo vệ các tên miền có liên quan được quy định tại khoản 1 Điều này với Trung tâm Internet Việt Nam (VNNIC).

7. Sửa đổi Điều 10 như sau:

a) Sửa đổi khoản 3 như sau:

“3. Phương thức nộp hồ sơ đăng ký, thay đổi thông tin đăng ký, hoàn trả tên miền:

a) Thực hiện trực tuyến thông qua công cụ đăng ký, quản lý hồ sơ tên miền trực tuyến của Nhà đăng ký (không áp dụng đối với các hồ sơ thay đổi thông tin chủ thể, hồ sơ hoàn trả tên miền): Chủ thể tên miền nộp hồ sơ đăng ký tên miền trực tuyến thông qua công cụ đăng ký, quản lý hồ sơ tên miền trực tuyến của Nhà đăng ký và có trách nhiệm hoàn thiện thông tin đăng ký theo quy định.

b) Nộp trực tiếp tại các cơ sở của Nhà đăng ký tên miền “.vn” hoặc gửi hồ sơ đến các cơ sở của Nhà đăng ký tên miền “.vn” chỉ trong trường hợp không có khả năng sử dụng phương thức trực tuyến.

Trong trường hợp chủ thể đăng ký tên miền là cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký, thay đổi thông tin đăng ký, hoàn trả tên miền khi nộp hồ sơ trực tiếp cần xuất trình Giấy chứng minh nhân dân, Thẻ căn cước công dân (hoặc hộ chiếu đối với cá nhân là người nước ngoài). Nếu nộp hồ sơ qua đường bưu chính cần gửi kèm theo bản sao có chứng thực Giấy chứng minh nhân dân, Thẻ căn cước công dân (hoặc hộ chiếu đối với cá nhân là người nước ngoài) của chủ thể đứng tên đăng ký tên miền.

c) Trung tâm Internet Việt Nam và các Nhà đăng ký tên miền “.vn” được áp dụng các biện pháp, hình thức, công nghệ để nhận biết và xác minh chủ thể nộp hồ sơ đăng ký tên miền bằng phương thức điện tử:

+ Sử dụng chữ ký số trong hồ sơ đăng ký tên miền

Hoặc

+ Có giải pháp, công nghệ để thu thập, kiểm tra, đối chiếu, đảm bảo sự khớp đúng giữa thông tin nhận biết khách hàng, dữ liệu sinh trắc học của khách hàng (là các yếu tố, đặc điểm sinh học gắn liền với khách hàng thực hiện định danh, khó làm giả, có tỷ lệ trùng nhau thấp như vân tay, khuôn mặt, mống mắt, giọng nói và các yếu tố sinh trắc học khác) với các thông tin, yếu tố sinh trắc học tương ứng trên giấy tờ tùy thân của khách hàng quy định tại khoản 1 Điều này hoặc với dữ liệu định danh cá nhân được xác thực bởi cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc bởi tổ chức được cung ứng dịch vụ định danh và xác thực điện tử;

+ Có biện pháp ngăn chặn các hành vi mạo danh, can thiệp, chỉnh sửa, làm sai lệch việc xác minh thông tin nhận biết khách hàng.

d) Các Nhà đăng ký tên miền “.vn” thực hiện sao lưu, chuyển hồ sơ điện tử về VNNIC và các biện pháp bảo vệ, dự phòng dữ liệu, hồ sơ theo hướng dẫn của VNNIC phục vụ quản lý tập trung và đảm bảo hồ sơ, dữ liệu tên miền.”;

b) Sửa đổi khoản 6 như sau:

“6. Việc đổi tên chủ thể đăng ký sử dụng tên miền được áp dụng trong các trường hợp sau:

a) Tổ chức đổi tên theo quyết định của cấp có thẩm quyền;

b) Sáp nhập, hợp nhất hoặc thay đổi chức năng nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà dẫn tới sự thay đổi về quyền sử dụng tên miền;

c) Tổ chức lại doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc có hoạt động mua bán, góp vốn, cổ phần giữa các doanh nghiệp hoặc chuyển đổi chức năng, nhiệm vụ giữa công ty mẹ, công ty con dẫn tới sự thay đổi về quyền sử dụng tên miền;

d) Cá nhân thay đổi họ, tên theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.”

c) Sửa đổi khoản 7 như sau:

“7. Các trường hợp được phép đổi tên chủ thể nêu tại khoản 6 Điều này, ngoài Đơn đề nghị thay đổi thông tin đăng ký tên miền, chủ thể sử dụng tên miền bổ sung bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao đối chiếu với bản gốc hoặc bản sao có chứng thực quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc văn bản tổ chức lại doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc các giấy tờ chứng minh sự thay đổi hợp lệ về quyền sử dụng tên miền theo các phương thức nộp hồ sơ quy định tại khoản 3 Điều này.”

8. Sửa đổi, bổ sung Điều 11 như sau:

a) Sửa đổi điểm b và bổ sung điểm d khoản 1 như sau:

“b) Theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm về thông tin và truyền thông khi tiến hành các hoạt động thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm hoặc khi cơ quan quản lý nhà nước về thông tin và truyền thông tiến hành các hoạt động phối hợp với thanh tra các Bộ, ngành khác có thẩm quyền để ngăn chặn kịp thời các hành vi vi phạm các quy định về thông tin và truyền thông theo quy định của pháp luật;”

“d) Các trường hợp không xác định được chủ thể do mạo danh đăng ký tên miền; tên miền có thông tin đăng ký không chính xác; chủ thể tên miền là tổ chức đã giải thể hoặc không còn tồn tại.”

b) Sửa đổi điểm b khoản 2 như sau:

“b) Thời gian tạm ngừng hoạt động tên miền phải được nêu cụ thể trong văn bản yêu cầu tạm ngừng tên miền đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều nay. Đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này, thời gian tạm ngừng tên miền thực hiện theo quy định về xử lý vi phạm hành chính tại Luật xử lý vi phạm hành chính và phải được nêu cụ thể trong quyết định tạm ngừng tên miền của cơ quan có thẩm quyền.

Sau thời gian tạm ngừng, VNNIC đưa tên miền vào hoạt động trở lại nếu tên miền không thuộc các trường hợp phải thực hiện việc thu hồi theo quy định tại Điều 12 Thông tư này.”

c) Sửa đổi điểm b khoản 3 như sau:

“b) Trong thời gian 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày tạm ngừng hoạt động tên miền, nếu chủ thể đăng ký tên miền nộp phí duy trì tên miền theo quy định thì sẽ được tiếp tục sử dụng tên miền đã đăng ký.”

d) Bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Trường hợp quy định tại điểm d khoản 1 Điều này:

a) Sau 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày VNNIC hoặc Nhà đăng ký yêu cầu cập nhật, bổ sung thông tin mà chủ thể đăng ký tên miền không thực hiện, tên miền bị tạm ngừng hoạt động trên hệ thống máy chủ tên miền quốc gia. Nhà đăng ký gửi thông báo về việc tạm ngừng hoạt động tên miền đến chủ thể tên miền trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc, kể từ khi tên miền tạm ngừng hoạt động;

b) Trong thời gian 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày tạm ngừng hoạt động tên miền, nếu chủ thể đăng ký tên miền cập nhật, bổ sung hoặc hoàn thiện thông tin, tên miền được gỡ bỏ trạng thái tạm ngừng hoạt động.”

9. Sửa đổi, bổ sung Điều 12 như sau:

a) Sửa đổi điểm a, đ, e và bổ sung điểm g khoản 1 như sau:

“a) Theo văn bản hòa giải thành theo quy định của pháp luật về hòa giải; quyết định, phán quyết của trọng tài theo quy định của pháp luật về trọng tài hoặc theo bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của tòa án trong giải quyết tranh chấp tên miền;”

“đ) Sau 20 (hai mươi) ngày, kể từ ngày tạm ngừng hoạt động tên miền quy định tại điểm c khoản 1 Điều 11 Thông tư này, chủ thể đăng ký tên miền không nộp phí duy trì tên miền theo quy định;”

“e) Tên miền vi phạm nguyên tắc đặt tên quy định tại khoản 2 Điều 6; quy định về bảo vệ tên miền tại Điều 8 hoặc sau 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày tạm ngừng hoạt động tên miền quy định tại điểm d khoản 1 Điều 11 Thông tư này, chủ thể không bổ sung, cập nhật, hoàn thiện thông tin đăng ký;”

“g) Các trường hợp khác theo quy định của Chính phủ.”

b) Sửa đổi khoản 2 như sau:

“2. Trường hợp nhận được văn bản yêu cầu thu hồi tên miền của các cơ quan có thẩm quyền như quy định tại điểm a, b, c, d khoản 1 và trường hợp thu hồi tên miền như quy định tại điểm e khoản 1 Điều này, Trung tâm Internet Việt Nam (VNNIC) thực hiện:

a) Ngừng hoạt động các tên miền bị thu hồi trên hệ thống máy chủ tên miền quốc gia;

b) Yêu cầu Nhà đăng ký tên miền gửi văn bản thông báo về việc thu hồi tên miền cho chủ thể đăng ký sử dụng tên miền trong vòng 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày VNNIC có thông báo thu hồi tên miền.”

c) Sửa đổi khoản 4 như sau:

“4. Trong trường hợp quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này:

VNNIC thực hiện việc ngừng hoạt động, xử lý thu hồi tên miền trên hệ thống máy chủ tên miền quốc gia và thông báo tới các Nhà đăng ký tên miền “.vn” về việc thu hồi tên miền. Các Nhà đăng ký tên miền “.vn” thông báo việc thu hồi tên miền cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong vòng 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày thu hồi tên miền.”

d) Sửa đổi khoản 5 như sau:

“5. Trong vòng 10 ngày kể từ thời điểm thu hồi tên miền, nếu các tên miền thu hồi không thuộc các trường hợp vi phạm quy định đăng ký tên miền “.vn” tại Điều 6 Thông tư này, VNNIC đưa các tên miền bị thu hồi về trạng thái cho đăng ký tự do.”

10. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 13 như sau:

“b) Các đơn vị thực hiện chức năng quản lý nhà nước nằm trong cơ cấu tổ chức của các cơ quan nhà nước quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.”

11. Bổ sung điểm e vào khoản 3 Điều 14 như sau:

“e) Trạng thái tên miền và các thông tin phục vụ cho quản lý hoạt động của tên miền”.

12. Sửa đổi khoản 1 Điều 15 như sau:

“1. Việc chuyển đổi nhà đăng ký tên miền “.vn” được thực hiện theo yêu cầu của Chủ thể đăng ký sử dụng tên miền và khi có sự thống nhất của Nhà đăng ký đang quản lý tên miền và Nhà đăng ký mà chủ thể có nhu cầu chuyển tên miền đến. Khi có yêu cầu của chủ thể, Nhà đăng ký đang quản lý tên miền phải thực hiện các thủ tục để chuyển đổi nhà đăng ký và không được gây cản trở khi chủ thể đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ trong thỏa thuận về đăng ký, duy trì tên miền “.vn” với Nhà đăng ký. Trường hợp từ chối thực hiện yêu cầu chuyển đổi nhà đăng ký tên miền của chủ thể, Nhà đăng ký đang quản lý tên miền phải có văn bản nêu rõ lý do từ chối, gửi trả lời cho chủ thể.”

13. Sửa đổi khoản 3 Điều 16 như sau:

“3. Trường hợp văn bản hòa giải thành theo quy định của pháp luật về hòa giải; quyết định, phán quyết của trọng tài theo quy định của pháp luật về trọng tài; bản án, quyết định của tòa án nêu rõ tên miền tranh chấp bị thu hồi cho phép nguyên đơn đăng ký sử dụng thì người được thi hành án (là nguyên đơn trong vụ việc giải quyết tranh chấp) được ưu tiên đăng ký trong thời hạn 45 (bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày văn bản, quyết định, phán quyết, bản án có hiệu lực pháp luật. Hết thời hạn này tên miền sẽ được cho đăng ký tự do.

Việc xử lý thi hành quyết định của tòa án trong giải quyết tranh chấp tên miền được thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án”

14. Bổ sung Điều 19a và Điều 19b sau Điều 19 như sau:

“**Điều 19a. Nguyên tắc đăng ký, sử dụng tên miền quốc tế**

1. Tên miền do tổ chức, cá nhân tự chọn để đăng ký, nhưng phải đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Không có các cụm từ xâm phạm đến chủ quyền, lợi ích, an ninh quốc gia hoặc vi phạm đạo đức xã hội, thuần phong, mỹ tục của dân tộc;

b) Rõ ràng, nghiêm túc, không gây hiểu nhầm hoặc xuyên tạc do tính đa âm, đa nghĩa hoặc khi không dùng dấu trong tiếng Việt;

c) Tổ chức, cá nhân không liên quan không đăng ký sử dụng tên miền là tên gọi của tổ chức Đảng, cơ quan nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội (Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Công đoàn Việt Nam; Hội Nông dân Việt Nam; Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam; Hội Cựu chiến binh Việt Nam...);

d) Tổ chức, cá nhân không liên quan không đăng ký sử dụng các tên miền liên quan đến hoạt động bảo đảm an ninh, quốc phòng, ngoại giao của đất nước;

2. Chủ thể đăng ký sử dụng tên miền phải chịu trách nhiệm quản lý và sử dụng tên miền đăng ký theo đúng quy định của pháp luật về tài nguyên Internet.

3. Cơ quan, tổ chức chỉ được cấp tên miền dưới tên miền đăng ký cho các đơn vị thành viên, các cá nhân đang làm việc trong cơ quan, tổ chức của mình và phải có trách nhiệm quản lý các tên miền cấp dưới mà mình đã cấp. Không được cấp tên miền dưới tên miền của mình cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác.

4. Các Nhà đăng ký tên miền quốc tế tại Việt Nam có trách nhiệm thẩm định, không cấp quyền sử dụng các tên miền thuộc phạm vi bảo vệ theo nguyên tắc giữ chỗ, bảo vệ quy định tại khoản 1 Điều 8 Thông tư này.”

“**Điều 19b. Tạm ngừng, thu hồi tên miền quốc tế khi có vi phạm**

1. Các căn cứ tạm ngừng hoạt động tên miền quốc tế khi có vi phạm:

a) Theo yêu cầu bằng văn bản của cơ quan điều tra khi tiến hành các hoạt động nghiệp vụ để ngăn chặn kịp thời các hành vi gây mất an ninh thông tin trong hoạt động bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội theo quy định của pháp luật;

b) Theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm về thông tin và truyền thông khi tiến hành các hoạt động thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm hoặc khi cơ quan quản lý nhà nước về thông tin và truyền thông tiến hành các hoạt động phối hợp với thanh tra các Bộ, ngành khác có thẩm quyền để ngăn chặn kịp thời các hành vi vi phạm các quy định về thông tin và truyền thông theo quy định của pháp luật;

2. Trường hợp quy định tại điểm a và b khoản 1 Điều này:

a) Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền, các Nhà đăng ký tên miền quốc tế tại Việt Nam thực hiện việc tạm ngừng hoạt động tên miền được yêu cầu đồng thời gửi văn bản thông báo về việc tạm ngừng tên miền đến cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan;

b) Thời gian tạm ngừng hoạt động tên miền phải được nêu cụ thể trong văn bản yêu cầu tạm ngừng tên miền đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều nay. Đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này, thời gian tạm ngừng tên miền thực hiện theo quy định về xử lý vi phạm hành chính tại Luật xử lý vi phạm hành chính và phải được nêu cụ thể trong quyết định tạm ngừng tên miền của cơ quan có thẩm quyền. Sau thời gian tạm ngừng, Nhà đăng ký đưa tên miền vào hoạt động trở lại nếu tên miền không thuộc các trường hợp phải thực hiện việc thu hồi theo quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Các căn cứ thu hồi tên miền quốc tế có vi phạm:

a) Theo quyết định xử phạt vi phạm hành chính của thanh tra chuyên ngành thông tin và truyền thông có biện pháp khắc phục hậu quả là thu hồi tên miền hoặc áp dụng hình thức xử phạt bổ sung tịch thu phương tiện vi phạm khi việc sử dụng tên miền vi phạm các quy định của pháp luật;

b) Theo yêu cầu bằng văn bản của cơ quan điều tra hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật phụ trách về an ninh thông tin, tội phạm công nghệ cao khi việc sử dụng tên miền xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp quy định tại điểm a và b khoản 3 Điều này: các Nhà đăng ký tên miền quốc tế tại Việt Nam phối hợp với tổ chức quản lý đuôi tên miền cấp cao quốc tế thực hiện việc thu hồi tên miền trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định, văn bản yêu cầu thu hồi tên miền và thông báo về việc thu hồi tên miền đến cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan”.

15. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 20 như sau:

“1. Thời gian thông báo: Sau khi tổ chức, cá nhân hoàn tất đăng ký sử dụng tên miền quốc tế.”.

16. Sửa đổi, bổ sung Điều 22 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 22 như sau:

“1. Các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có nhu cầu thiết lập mạng kết nối với Internet được quyền đề nghị cấp, phân bổ địa chỉ IP (khuyến khích việc đăng ký sử dụng địa chỉ IPv6) để sử dụng nội bộ hoặc cấp lại cho khách hàng có kết nối đến mạng cung cấp dịch vụ của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp (trong trường hợp được cung cấp dịch vụ Internet) và được đề nghị thay đổi tên chủ thể đăng ký sử dụng địa chỉ IP trong các trường hợp sau:

a) Cơ quan, tổ chức đổi tên theo quyết định của cấp có thẩm quyền;

b) Chia, tách, sáp nhập, hợp nhất hoặc thay đổi chức năng nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, dẫn tới sự thay đổi về tổ chức quản lý, vận hành mạng, dịch vụ đang sử dụng vùng địa chỉ IP;

c) Tổ chức lại doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, hoặc có hoạt động mua bán, góp vốn, cổ phần giữa các doanh nghiệp hoặc chuyển đổi chức năng, nhiệm vụ giữa công ty mẹ, công ty con dẫn tới sự thay đổi về tổ chức trực tiếp quản lý, vận hành mạng, dịch vụ đang sử dụng vùng địa chỉ IP .”;

b) Sửa đổi điểm b khoản 2 như sau:

“Chỉ được định tuyến những vùng địa chỉ IP được cấp bởi các Tổ chức quản lý địa chỉ quốc tế, không cấp bởi Trung tâm Internet Việt Nam (VNNIC) trong các trường hợp sau:

i. Có kết nối với cổng quốc tế;

ii. Có hợp đồng cung cấp dịch vụ cho tổ chức, doanh nghiệp nước ngoài mà tổ chức, doanh nghiệp nước ngoài có hệ thống mạng phạm vi quốc tế và triển khai mở rộng tại Việt Nam, kết nối trong nước. Doanh nghiệp Việt Nam được định tuyến các vùng IP quốc tế của tổ chức, doanh nghiệp quốc tế là khách hàng của mình để đảm bảo tính kết nối, thống nhất cho mạng khách hàng trên toàn cầu. Doanh nghiệp phải báo cáo các vùng địa chỉ mà mình định tuyến cho khách hàng tới VNNIC, cập nhật thông tin khi có thay đổi và không được sử dụng các vùng địa chỉ của tổ chức khách hàng cho mạng, dịch vụ của doanh nghiệp. Các trường hợp tiếp nhận và sử dụng địa chỉ IP hoặc số hiệu mạng từ các tổ chức quốc tế phải thực hiện theo quy định tại Điều 27 Thông tư này”.

c) Bổ sung khoản 6 như sau:

“Doanh nghiệp Việt Nam có hệ thống mạng tại Việt Nam và mở rộng ra phạm vi ngoài lãnh thổ được phép sử dụng IP/ASN được cấp bởi Bộ TTTT cho mạng của mình đặt ngoài lãnh thổ Việt Nam để quảng bá định tuyến với các nhà cung cấp ở nước ngoài và cung cấp dịch vụ ở nước ngoài. Doanh nghiệp phải báo cáo về việc sử dụng các vùng địa chỉ tại nước ngoài và có trách nhiệm quản lý các vùng đia chỉ mà mình sử dụng.”.

17. Bổ sung, sửa đổi Điều 23 như sau:

a) Sửa tên Điều như sau:

“Điều 23. Thủ tục cấp, phân bổ địa chỉ IP, số hiệu mạng ASN”;

b) Sửa đổi khoản 1 như sau:

“1. Hồ sơ đề nghị cấp, phân bổ địa chỉ IP, số hiệu mạng ASN bao gồm:

a) “Bản khai đăng ký địa chỉ IP, số hiệu mạng ASN" theo mẫu quy định tại Phụ lục 10 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính Quyết định thành lập hoặc các loại Giấy chứng nhận hợp lệ khác được cấp trước ngày có hiệu lực của Luật Doanh nghiệp năm 2014 hoặc Mã số doanh nghiệp;

c) Trong trường hợp cấp, phân bổ địa chỉ IP, số hiệu mạng ASN do thay đổi tên chủ thể đăng ký sử dụng địa chỉ IP, số hiệu mạng ASN theo quy định tại khoản 1 Điều 22 Thông tư này, ngoài thành phần hồ sơ quy định tại điểm a và điểm b khoản này, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp bổ sung bản gốc hoặc bản sao có chứng thực quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc văn bản tổ chức lại doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các giấy tờ chứng minh sự thay đổi hợp lệ về quyền sử dụng địa chỉ IP, số hiệu mạng ASN.”

c) Sửa đổi khoản 3 như sau:

“3. Phương thức nộp hồ sơ:

a) Thực hiện trực tuyến tại cổng dịch vụ công trực tuyến của Bộ TTTT tại địa chỉ dichvucong.mic.gov.vn;

b) Gửi hồ sơ tới trụ sở VNNIC trực tiếp hoặc qua đường bưu chính chỉ trong trường hợp không có khả năng sử dụng phương thức trực tuyến.”;

d) Sửa đổi khoản 4 như sau:

“4. Thời hạn trả lời kết quả hoặc Quyết định cấp, phân bổ địa chỉ IP, ASN cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp chậm nhất 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ và phí, lệ phí đăng ký sử dụng địa chỉ IP theo quy định. Trường hợp từ chối cấp, phân bổ, Bộ Thông tin và Truyền thông (VNNIC) thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.”

18. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 24 như sau:

“3. Quy trình cấp, phân bổ lại:

a) Định kỳ hàng quý, Trung tâm Internet Việt Nam thực hiện rà soát các vùng địa chỉ IPv4 còn trống do thu hồi hoặc hoàn trả từ các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp; Trường hợp có vùng địa chỉ IPv4 đủ điều kiện cấp, phân bổ lại, VNNIC niêm yết thông tin tại địa chỉ website [www.diachiip.vn](http://www.diachiip.vn/) về vùng địa chỉ và thời điểm mở tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp, phân bổ lại vùng địa chỉ. Thời gian tiếp nhận hồ sơ là 03 (ba) ngày làm việc kể từ thời điểm mở tiếp nhận hồ sơ;

b) Việc tiếp nhận và xử lý hồ sơ đề nghị cấp, phân bổ địa chỉ thực hiện trong vòng 07 ngày làm việc kể từ thời điểm kết thúc tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp, phân bổ lại vùng địa chỉ và tuân thủ theo các nguyên tắc quy định tại khoản 2 Điều này;

c) Trong vòng 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc xử lý hồ sơ đề nghị cấp, phân bổ địa chỉ, VNNIC thông báo cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp thực hiện việc nộp phí, lệ phí theo quy định. Trong vòng 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp hoàn tất nghĩa vụ nộp phí, lệ phí theo quy định, VNNIC ban hành quyết định cấp, phân bổ lại địa chỉ và thông báo tại địa chỉ website: [www.diachiip.vn](http://www.diachiip.vn/) về kết quả cuối cùng của đợt cấp, phân bổ lại.”.

19. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 25 như sau:

“1. Theo nhu cầu sử dụng thực tế của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đã được cấp, phân bổ địa chỉ IP từ VNNIC được quyền đề nghị cấp, phân bổ số hiệu mạng và được đề nghị thay đổi tên chủ thể đăng ký sử dụng số hiệu mạng trong các trường hợp sau:

a) Cơ quan, tổ chức đổi tên theo quyết định của cấp có thẩm quyền;

b) Chia, tách, sáp nhập, hợp nhất hoặc thay đổi chức năng nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, dẫn tới sự thay đổi về tổ chức quản lý, vận hành mạng, dịch vụ đang sử dụng số hiệu mạng;

c) Tổ chức lại doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, hoặc có hoạt động mua bán, góp vốn, cổ phần giữa các doanh nghiệp hoặc chuyển đổi chức năng, nhiệm vụ giữa công ty mẹ, công ty con dẫn tới sự thay đổi về tổ chức trực tiếp quản lý, vận hành mạng, dịch vụ đang sử dụng số hiệu mạng.”.

20. Bãi bỏ Điều 26.

**21. Sửa đổi khoản 6 và bổ sung khoản 7 Điều 28 như sau:**

“6. Các trường hợp không xác định được chủ thể do mạo danh đăng ký; thông tin đăng ký không chính xác; chủ thể đăng ký sử dụng là tổ chức đã giải thể hoặc không còn tồn tại”.

“7. Đối với các trường hợp thu hồi địa chỉ IP, số hiệu mạng quy định từ khoản 1 đến khoản 6 Điều này, Bộ Thông tin và Truyền thông (VNNIC) ban hành quyết định thu hồi địa chỉ IP, số hiệu mạng; thông báo cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có liên quan. Trường hợp địa chỉ IP phải thu hồi thuộc vùng địa chỉ do doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Internet đã cấp cho khách hàng, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Internet có trách nhiệm thực hiện việc thu hồi vùng địa chỉ đã cấp cho khách hàng.”.

22. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 29 như sau:

“5. Chỉ các thành viên địa chỉ có giấy phép cung cấp dịch vụ Internet mới được cấp phát lại địa chỉ IP cho khách hàng sử dụng dịch vụ của mình.”

23. Thay thế Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư số 24/2015/TT-BTTTT bằng biểu mẫu tại Phụ lục 3 kèm theo văn bản này.

24. Thay thế Phụ lục 10 ban hành kèm theo Thông tư số 24/2015/TT-BTTTT bằng biểu mẫu tại Phụ lục 10 kèm theo văn bản này.

25. Bãi bỏ Phụ lục 11 ban hành kèm theo Thông tư số 24/2015/TT-BTTTT.

**Điều 2. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư có hiệu lực kể từ ngày ……... tháng ……….. năm ……..

2. Thông tư số 06/2019/TT-BTTTT ngày 19 tháng 7 năm 2019 của Bộ Thông tin và Truyền thông hết hiệu lực thi hành kể từ ngày có hiệu lực thi hành của Thông tư này.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh kịp thời về Bộ Thông tin và Truyền thông để xem xét, bổ sung, sửa đổi./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ; - Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; - Văn phòng Chính phủ; - Văn phòng Trung ương Đảng; - Văn phòng Tổng Bí thư; - Văn phòng Quốc hội; - Văn phòng Chủ tịch nước; - Tòa án Nhân dân tối cao; - Viện Kiểm sát nhân dân tối cao; - Kiểm toán Nhà nước; - HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW; - Sở TTTT các tỉnh thành phố trực thuộc TW; - Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp); - Cổng TTĐT Chính phủ, Công báo; - Bộ TTTT: Bộ trưởng và các Thứ trưởng; các cơ quan đơn vị thuộc Bộ; Cổng TTĐT Bộ; - Lưu: VT,VNNIC (400). | **BỘ TRƯỞNG**  **Nguyễn Mạnh Hùng** |

**Phụ lục 3: Bản khai đăng ký tên miền “.vn”**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2015/TT-BTTTT ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Bộ Thông tin và Truyền thông)*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN KHAI ĐĂNG Ký TÊN MIỀN “.VN”**

*(Dành cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp)*

Kính gửi: Tên của Nhà đăng ký tên miền “.vn”

|  |  |
| --- | --- |
| 1.Tên miền đăng ký *(Số lượng tên miền đăng ký)* | ………………………………………………… |
| 2. NĐK quản lý tên miền | ………………………………………………… |
| 3. Máy chủ DNS chuyển giao *(****Lưu ý****: Khai báo đầy đủ tối thiểu 02 máy chủ)* | Tên DNS Primary: ………………………….  Địa chỉ IP *(nếu là máy chủ tự dựng)*: ………… Tên DNS Secondary : …………………………  Địa chỉ IP: *(nếu là máy chủ tự dựng)*: …………  ………………………………………………… |
| 4. Chủ thể đăng ký tên miền Tên Chủ thể \*  Tên giao dịch Quốc tế và tên viết tắt *(nếu là tổ chức)*  *Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế \**  Địa chỉ \*  Tỉnh/thành phố \*  Quốc gia *(nếu không phải là Việt Nam)*\*  Số điện thoại \*  Fax  Email \*  Postcode: | …………………………………………………  …………………………………………………  …………………………………………………  …………………………………………………  …………………………………………………  …………………………………………………  …………………………………………………  …………………………………………………  …………………………………………………  …………………………………………………  ………………………………………………… |
| 5. Người quản lý tên Họ và tên \*  Số CMTND/Hộ chiếu *(đối với cá nhân người nước ngoài)* \*  Địa chỉ \*  Tỉnh/thành phố \*  Quốc gia *(nếu không phải là Việt Nam)\**  Số điện thoại \*  Email \*  Postcode: | …………………………………………………..  ……………………………………………………  ……………………………………………………  ……………………………………………………  ……………………………………………………  ……………………………………………………  ……………………………………………………  ……………………………………………………  ……………………………………………………  …………………………………………………… |
| 6. Người quản lý kỹ thuật Họ và tên  Địa chỉ  Tỉnh/thành phố  Quốc gia *(nếu không phải là Việt Nam)*  Số điện thoại  Fax  Email  Postcode | ……………………………………………………  ……………………………………………………  ……………………………………………………  ……………………………………………………  ……………………………………………………  ……………………………………………………  ……………………………………………………  ……………………………………………………  …………………………………………………… |
| 7. Người thanh toán Họ và tên \*  Địa chỉ \*  Tỉnh/thành phố \*  Quốc gia *(nếu không phải là Việt Nam)*\*  Số điện thoại \*  Fax  Email \*  Postcode | ……………………………………………………  ……………………………………………………  ……………………………………………………  ……………………………………………………  ……………………………………………………  …………………………………………………………………………………………………………  ……………………………………………………  …………………………………………………… |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Chủ thể đăng ký tên miền cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet. | | | |
|  |  | *………, ngày ….. tháng …. năm ……..* |  |
|  |  | **Xác nhận của chủ thể đăng ký tên miền**  *(Người đại diện theo pháp luật ký tên và đóng dấu)* |  |

|  |  |
| --- | --- |
| Lưu ý: | - Các thông tin có dấu (\*) là bắt buộc |

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN KHAI ĐĂNG Ký TÊN MIỀN “.VN”**

*(Dành cho cá nhân)*

Kính gửi: Tên của Nhà đăng ký tên miền “.vn”

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 1.Tên miền đăng ký *(Số lượng tên miền đăng ký)* | | ………………………………………………… |
| 2. NĐK quản lý tên miền | | ………………………………………………… |
| 3. Máy chủ DNS chuyển giao *(****Lưu ý****: Mục này bắt buộc phải khai báo đầy đủ tối thiểu 02 máy chủ)* | | Tên DNS Primary: ……………………………  Địa chỉ IP *(nếu là máy chủ tự dựng)*: …………  Tên DNS Secondary : …………………………  Địa chỉ IP *(nếu là máy chủ tự dựng)*: …………  ………………………………………………… |
| 4. Thông tin cá nhân Tên Chủ thể \*  Năm sinh \*  Số CMTND/Hộ chiếu *(đối với cá nhân người nước ngoài)* \*  Địa chỉ \*  Tỉnh/thành phố \*  Quốc gia *(nếu không phải là Việt Nam)*\*  Số điện thoại \*  Email \*  Postcode: | | …………………………………………………  …………………………………………………  …………………………………………………  …………………………………………………  …………………………………………………  …………………………………………………  …………………………………………………  …………………………………………………  …………………………………………………  …………………………………………………  ………………………………………………… |
| | Chủ thể đăng ký tên miền cam kếttuân thủ các quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet**.** | | | | | --- | --- | --- | --- | |  |  | *………., ngày…… tháng…… năm……* |  | |  |  | **Xác nhận của chủ thể đăng ký tên miền**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* |  | | | |

|  |  |
| --- | --- |
| Lưu ý: | - Các thông tin có dấu (\*) là bắt buộc |

**Phụ lục 10: Bản khai đăng ký địa chỉ IP, ASN**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2015/TT-BTTTT ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Bộ thông tin và Truyền thông)*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN KHAI ĐĂNG KÝ ĐỊA CHỈ IP, ASN**

Kính gửi: Trung tâm Internet Việt Nam

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Thông tin về cơ quan/ tổ chức/doanh nghiệp** | Tên cơ quan/tổ chức/doanh nghiệp: …………………………  Tên mạng (netname) thành viên: …………………  *(netname phải đảm bảo duy nhất, không trùng với netname của các thành viên khác đã có)*  Địa chỉ liên hệ: ……………………………………………..  Số điện thoại/fax: …………………………………………..  Email: ………………………………………………………  Abuse-mailbox:……………………………………………  Website: ……………………………………………………  Mã số doanh nghiệp: ………………………………………  Ghi chú: …………………………………………………… |
| **2. Đăng ký thông tin về người chịu trách nhiệm chính của cơ quan/tổ chức/doanh nghiệp trong việc quản lý các nguồn tài nguyên Internet được cấp**  *(địa chỉ email của người đã đăng ký trong mục này sẽ được đưa vào danh sách cho phép thực hiện các giao dịch qua email với VNNIC liên quan tới tài nguyên địa chỉ IP, ASN)* | **Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền đại diện theo pháp luật của cơ quan/tổ chức/doanh nghiệp**:  Họ tên: ………………………………………………………  Số điện thoại/fax:……………………………………………  Email: ………………………………………………………  **Người chịu trách nhiệm quản lý tài nguyên**:  Họ tên: ………………………………………………………  Chức vụ: ……………………………………………………  Số điện thoại/fax: ……………………………………………  Email: ………………………………………………………  **Người quản lý kỹ thuật**:  Họ tên: ………………………………………………………  Chức vụ: ……………………………………………………  Số điện thoại/fax: ……………………………………………  Email: ……………………………………………………… |
| **3. Vùng địa chỉ IP, ASN có đề nghị cấp** *(hoặc điều chuyển)* | IPv6 (Vùng): …………….......(VD: /48 hoặc /32)  IPv4 (Vùng): ……………...…(VD: /23 hoặc /24)  Số hiệu mạng (ASN): ………..(VD: 01 ASN) |
| **4. Kế hoạch sử dụng vùng địa chỉ hiện có đề nghị cấp** | *(Tổ chức mô tả chi tiết kế hoạch sử dụng vùng địa chỉ IP có nhu cầu nghị cấp tại đây)*  - Vùng địa chỉ | sử dụng nội bộ| thời điểm sử dụng hết  - Vùng địa chỉ | sử dụng cho dịch vụ | thời điểm sử dụng hết  - …  VD:  01/24 IPv4 và 01/56 IPv6 | Hệ thống, dịch vụ CNTT nội bộ | tháng …/202…  01/24 IPv4 và 01/48 IPv6 | Dịch vụ FTTH tại HN | tháng …/202… |
| **5. Thông tin kết nối** *(thông tin đường truyền kết nối Internet)* | Đường truyền kết nối Internet 1: Tên nhà cung cấp (AS1234)  Đường truyền kết nối Internet 2: Tên nhà cung cấp (AS5678)  VD:  Đường truyền kết nối Internet 1: VNPT (AS45899)  Đường truyền kết nối Internet 2: VNIX (AS23902) |
| **6. Thông tin liên hệ nộp phí duy trì, sử dụng địa chỉ** | Đơn vị thanh toán: ……………………………………………  Họ và tên/Chức vụ người chịu trách nhiệm nộp phí:…………  Địa chỉ thanh toán: …………………………………………..  Điện thoại/Fax: …………………………………………….  Email: ……………………………………………………… |

Cơ quan/Tổ chức/Doanh nghiệp đăng ký địa chỉ IP cam kết tuân thủ quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet.

*......., ngày….. tháng …. năm…….*

**Xác nhận của tổ chức đăng ký**

*(Người đại diện theo pháp luật hoặc người*

*được ủy quyền đại diện theo pháp luật ký tên, đóng dấu)*

*Lưu ý:*

*- Yêu cầu bắt buộc khai toàn bộ các trường thông tin.*

*- Trường hợp thay đổi tên chủ thể sử dụng vùng địa chỉ, yêu cầu xác nhận của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đang đứng tên quản lý vùng địa chỉ IP, ASN.*